TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Nguyễn Thanh Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1964; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số G, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, tên gọi khác: Ngọc T (có mặt).

4. Chị Lê Thị Th1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; cư trú tại số 65/29, đường số 5, khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1997; cư trú tại khu phố 3, phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1998; cư trú tại số 65/29 đường số 5, khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29 tháng 5 năm 2018 của bà Nguyễn Ngọc Th và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N nay là xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do ông M có tình cảm với người phụ nữ khác nên thường hay xúc phạm bà và không quan tâm đến cuộc sống gia đình mặc dù đã được khuyên can nhiều lần nhưng ông M vẫn không sửa đổi. Hiện tại, bà và ông M không còn ở chung từ tháng 4 năm 2018 đến nay, xét thấy không thể hàn gắn được vì cuộc không có hạnh phúc nên bà cương quyết xin ly hôn cùng ông M.

Về con chung giữa bà và ông M có ba người nhưng đã thành niên nên bà không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản bà yêu cầu Tòa án chia hai các loại tài sản gồm thành quả trên phần đất 44.605 m^2 tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau có cả cống xổ vuông, cây rừng và

cây ăn trái có giá trị 700.000.000 đồng và một ngôi nhà gắn liền trên đất có giá trị 60.000.000 đồng hiện do ông M quản lý.

Tại các bản khai của ông Nguyễn Văn M và quá trình tố tụng tại Tòa án ông M trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc Th tự nguyện kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn theo như bà Th trình bày, giấy kết hôn đã bị thất lạc, thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên ông chấp nhận ly hôn cùng bà Th.

Con chung có ba người hiện tại đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản ông M xác định vợ chồng có ngôi nhà tại ấp Ô, xã T, huyện N giá trị 60.000.000 đồng hiện ông đang quản lý ông chấp nhận chia hai theo yêu cầu của bà Th. Đối với phần đất bà Th yêu cầu thực tế là có nhưng không phải là tài sản chung của ông và bà Th mà là của vợ chồng ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng ông mượn sử dụng nên không thống nhất chia.

Ngoài ra, ông có vay vốn của Ngân hàng số tiền 35.000.000 đồng khi ông và bà Th không còn ở chung, đây là nợ riêng của ông nên ông tự chịu trách nhiệm với Ngân hàng khi Ngân hàng yêu cầu.

Đối với chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Nguyễn Kim N là các con của ông M và bà Th xác định không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn và chia tài sản giữa bà Nguyễn Ngọc Th và ông Nguyễn Văn M.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn T xác định phần đất nuôi trồng thủy sản bà Nguyễn Ngọc Th yêu cầu thực tế là của vợ chồng ông nên không được phân chia.

Ý kiến của chị Lê Thị Th1 thống nhất theo lời trình bày của ông T.

Ý kiến của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N xác định: Công ty đã thiết lập hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất cho hộ ông Nguyễn Văn M do ông M đại diện gia đình ký hồ sơ nhận khoán với diện tích 44.605 m^2 tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau thuộc số thửa 09, khoảnh 08, thiểu khu 154 và không có thỏa thuận việc đứng tên dùm trong hồ sơ nhận khoán. Nay xảy ra tranh chấp và có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Ngân hàng N: Ông Nguyễn Văn M có lập hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng số tiền gốc 35.000.000 đồng nhưng chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị không công nhận bà Th và ông M là vợ chồng,về phần con đã thành niên nên không đặt ra. Về tài sản chấp nhận yêu cầu của bà Th chia hai phần tài sản gồm nhà và giá trị thành quả lao động trên đất tại ấp Ô, xã T, huyện N, khoản nợ của Ngân hàng không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Buộc bà Th chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn và buộc bà Th, ông M chịu án phí chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Th được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N, Ngân hàng N, anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Lê Thị Th1 có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Th và ông Nguyễn văn M được xác lập vào năm 1989, theo bà Th và ông M xác định có đăng ký kết hôn nhưng các đương sự không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn và không có căn cứ xác định bà Th và ông M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật xem như hôn nhân giữa bà Th và ông M thuộc trường hợp không đăng ký. Bà Th và ông M không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định tại Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Do bà Th và ông M không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, bà Th và ông M có 03 người con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

[5] Về chia tài sản: Ngôi nhà tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau có giá trị 60.000.000 đồng hiện tại ông M đang quản lý, các đương sự đều xác định là tài sản chung, sau khi ly hôn phía bà Th và ông M thống nhất chia đôi xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 210, Điều 219 của Bộ luật Dân sự được chấp nhận. Hiện tại, ngôi nhà ông M đang quản lý nên giao cho ông M sở hữu và ông M có trách nhiệm giao cho bà Th ½ giá trị là 30.000.000 đồng.

Về phần thành quả lao động trên phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau có diện tích 44.605 m^2, giá trị theo bà Th và ông M xác định 700.000.000 đồng kể cả cống xổ vuông, cây rừng và cây ăn trái hiện do ông M quản lý. Phía ông M, ông T và chị Th1 đều không có chứng cứ gì để chứng minh phần tài sản này là của ông T và chị Th1 và phía ông T, chị Th1 xác định việc cho mượn cũng không có giấy tờ gì thể hiện. Khi vay vốn tại Ngân hàng chính ông M là người trực tiếp đem hồ sơ giao nhận khoán đối với phần diện tích 44.605 m^2 tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau để giao cho Ngân hàng nhằm tạo niềm tin trong việc vay vốn. Phần tài sản trên phía bà Th và ông M thừa nhận trực tiếp quản lý, sản xuất từ năm 1997 thời gian đã trên 20 năm nay các đương sự không ai có ý kiến hay tranh chấp gì, nay vì điều kiện bà Th yêu cầu ly hôn và chia tài sản phía ông M cho rằng không phải tài sản của ông và bà Th để rồi không chấp nhận phân chia là không phù hợp. Căn cứ vào Điều 210, Điều 219 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Th chia hai phần thành quả lao động trên phần đất 44.605 m^2 tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau có cả cống xổ vuông, cây rừng và cây ăn trái hiện do ông M quản lý. Hiện tại, phần tài sản này ông M đang quản lý nên tiếp tục để ông M sở hữu, sử dụng và ông M có trách nhiệm giao cho bà Th ½ giá trị = 350.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông M phải giao cho bà Th = 380.000.000 đồng và phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Phần tài sản ông M đang quản lý nên không buộc trách nhiệm giao nhận.

Khoản nợ của Ngân hàng N được xác định là nợ riêng của ông Nguyễn Văn M và không có liên quan đến bà Th , hiện tại khoản nợ chưa đến hạn nên Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án. Ngân hàng có quyền khởi kiện

ông Nguyễn Văn M thành vụ án dân sự khác nếu ông M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ khi đến hạn theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, đối với bà Th và ông M được chia tài sản nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tài sản mình được chia: 380.000.000 đồng X 5% = 19.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a và điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí bà Th đã nộp được khấu trừ, phần còn thiếu bà Th phải tiếp tục nộp.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N, Ngân hàng N, anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Lê Thị Th1.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Ngọc Th và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Các con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Ông Nguyễn Văn M được sở hữu, sử dụng ngôi nhà tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau hiện ông M đang quản lý và được sở hữu phần thành quả lao động đối với phần đất 44.605 m^2 có cả cố xổ, xây rừng và cây ăn trái trên đất tại

ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C hiện ông M đang quản lý theo sơ đồ, vị trí được thể hiện tại hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp N do ông Nguyễn Văn M đứng tên tại số thửa 09, khoảng 07, tiểu khu 154. Phần tài sản ông M đang quản ký nên không buộc trách nhiệm giao nhận.

Buộc ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Ngọc Th số tiền phân chia tài sản = 380.000.000 đồng.

Kể từ khi bà Nguyễn Ngọc Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn M chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng ông M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Khoản nợ của Ngân hàng N được xác định là nợ riêng của ông Nguyễn Văn M nhưng do Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án. Trường hợp ông M không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện ông Nguyễn Văn M thành vụ án dân sự khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà Nguyễn Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng , bà Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014172 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được khấu trừ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Ngọc Th và ông Nguyễn Văn M mỗi người phải chịu 19.000.000 đồng. Bà Th đã nộp tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014249 ngày 31/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được khấu trừ, phần còn thiếu bà Th phải tiếp tục nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải